

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 1 (301C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040437	Tạ Quốc An	24/07/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
2	22040038	Trần An	06/12/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
3	22040309	Nguyễn Hải An	13/03/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
4	22040729	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	26/01/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
5	22040304	Nguyễn Diệp Anh	02/10/2004	QH.2022.F.1.E19.NN5			
6	22040735	Phạm Hoàng Anh	27/09/2003	QH.2022.F.1.E3.NN			
7	22040190	Ngô Vũ Minh Anh	27/11/2003	QH.2022.F.1.C9.SP4			
8	22040021	Nguyễn Ngọc Trang Anh	05/01/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
9	22040310	Nguyễn Quỳnh Anh	16/03/2004	QH.2022.F.1.E17.NN5			
10	22040268	Nguyễn Linh Anh	11/05/2004	QH.2022.F.1.E19.NN5			
11	22040632	Bùi Thị Minh Anh	23/10/2004	QH.2022.F.1.E5.NN			
12	22040689	Phan Việt Anh	05/08/2004	QH.2022.F.1.E14.NN5			
13	22040370	Trần Lan Anh	19/09/2004	QH.2022.F.1.E2.NN			
14	22040583	Nguyễn Thị Ánh	02/04/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
15	22040426	Phạm Hoàng Bách	29/02/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
16	22040422	Nguyễn Gia Bảo	27/12/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
17	22040354	Đinh Minh Châu	10/08/2004	QH.2022.F.1.E7.NN4			
18	22040463	Đông Kim Chi	30/06/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
19	22040385	Lê Thảo Chi	16/03/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			

20	22040492	Lô Thị Quỳnh	Chi	26/04/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
21	22040706	Thái Khắc	Chuẩn	06/11/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
22	22040685	Trịnh Mai	Chung	12/07/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
23	22040182	Lê Văn	Đại	11/10/2004	QH.2022.F.1.C9.SP4			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 2 (302C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040024	Đỗ Hải Đăng	01/11/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
2	22040423	Vũ Quốc Đạt	29/01/2004	QH.2022.F.1.E19.NN5			
3	22040315	Nguyễn Tùng Diễm	02/10/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
4	22040456	Nông Đào Khánh Điệp	25/08/2004	QH.2022.F.1.E10.NN4			
5	22040316	Nguyễn Anh Dũng	22/11/2004	QH.2022.F.1.E13.NN5			
6	22040113	Nguyễn Đăng Dương	22/08/2004	QH.2022.F.1.E21.SP5			
7	22040378	Nguyễn Hải Dương	29/02/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
8	22040040	Nguyễn Công Duy	04/11/2004	QH.2022.F.1.E22.SP5			
9	22040530	Bùi Văn Duy	08/02/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
10	22040668	Phạm Thị Giang	01/04/2003	QH.2022.F.1.E6.NN			
11	22040567	Đỗ Thị Giang	08/10/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
12	22040438	Nguyễn Hương Giang	07/04/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
13	22040165	Đặng Nguyễn Thu Hà	05/04/2004	QH.2022.F.1.E22.SP5			
14	22040489	Lương Thị Vân Hà	16/06/2004	QH.2022.F.1.E6.NN			
15	22040474	Phạm Thu Hà	26/07/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
16	22040074	Đặng Mỹ Hà	11/01/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
17	22040131	Bùi Mai Hạ	01/11/2004	QH.2022.F.1.E2.SP			
18	22040116	Đinh Hoàng Hải	28/09/2004	QH.2022.F.1.E21.SP5			

19	22040606	Nguyễn Hồng	Hạnh	13/03/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
20	22040306	Nguyễn Hồng	Hạnh	02/10/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
21	22040652	Phạm Thảo	Hiền	13/10/2003	QH.2022.F.1.E9.NN4			
22	22040039	Hoàng Thu	Hiền	23/12/2004	QH.2022.F.1.E21.SP5			
23	22040005	Đỗ Hoàng	Hiệp	30/10/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 3 (303C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040614	Quách Thị Kim Hoa	13/10/2004	QH.2022.F.1.E6.NN			
2	22040107	Lường Thị Bích Huệ	02/11/2004	QH.2022.F.1.E2.SP			
3	22040516	Vũ Thị Huệ	18/03/2004	QH.2022.F.1.E6.NN			
4	22040109	Phạm Việt Hùng	21/10/2004	QH.2022.F.1.E7.SP4			
5	22040157	Lê Thị Lan Hương	11/04/2004	QH.2022.F.1.E22.SP5			
6	22040402	Bùi Nguyễn Liên Hương	27/11/2004	QH.2022.F.1.E2.NN			
7	22040511	Trần Thị Bích Hường	01/06/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
8	22040693	Phạm Nhật Huy	07/07/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			
9	22040425	Nguyễn Gia Huy	02/01/2004	QH.2022.F.1.E17.NN5			
10	22040663	Nguyễn Tuấn Huy	06/06/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
11	22040536	Bùi Thị Huyền	24/02/2004	QH.2022.F.1.E5.NN			
12	22040673	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27/06/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
13	21041015	Nguyễn Khánh Huyền	31/07/2003	QH.2021.F.1.E7.NN23			
14	22040388	Phan Minh Huyền	01/03/2004	QH.2022.F.1.E7.NN4			
15	22040521	Trần Quang Khải	11/10/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
16	22040061	Lại Minh Khuê	27/01/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
17	22040381	Nguyễn Ngọc Lâm	25/05/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
18	22040680	Trương Nguyên Lê	26/11/2004	QH.2022.F.1.E5.NN			
19	22040660	Nguyễn Thị Kim Liên	05/04/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			

20	22040008	Phạm Phương	Liên	02/02/2004	QH.2022.F.1.E22.SP5			
21	22040401	Đào Thùy	Linh	27/05/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
22	22040345	Vũ Phan Khánh	Linh	28/02/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
23	22040618	Phạm Thủy	Linh	29/02/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 4 (304C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040159	Trần Ngọc Linh	09/11/2004	QH.2022.F.1.E21.SP5			
2	22040150	Nguyễn Khánh Linh	23/03/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
3	22040496	Nguyễn Thị Hiền	24/06/2004	QH.2022.F.1.E17.NN5			
4	22040115	Trần Phương Linh	14/11/2004	QH.2022.F.1.E7.SP4			
5	22040647	Bùi Thị Diệu Linh	12/03/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
6	22040677	Lê Thị Linh	10/09/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
7	22040037	Phạm Nguyễn Khánh Linh	20/03/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
8	22040350	Vũ Hoàng Long	24/06/2004	QH.2022.F.1.E13.NN5			
9	22040119	Phạm Bảo Long	21/11/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
10	22040086	Tăng Thị Hiền Lương	30/07/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
11	22040121	Đàm Hương Ly	18/08/2004	QH.2022.F.1.E7.SP4			
12	22040648	Ninh Thị Ngọc Mai	23/05/2004	QH.2022.F.1.E5.NN			
13	22040332	Nguyễn Hoa Trà Mai	08/04/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
14	22040093	Võ Hoàng Mai	13/01/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
15	22040702	Lê Phương Mai	03/12/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
16	22040470	Vi Chí Mẫn	19/01/2003	QH.2022.F.1.E9.NN4			
17	22040344	Dương Đức Mạnh	12/08/2004	QH.2022.F.1.E19.NN5			

18	22040453	Đỗ Đức	Mạnh	04/10/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			
19	22040468	Chào Tả	Mẫy	15/10/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
20	22040538	Nguyễn Thị Trà	Mi	27/05/2004	QH.2022.F.1.E6.NN			
21	22040542	Lê Bình	Minh	08/11/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
22	22040615	Lê Hoàng	Minh	19/10/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
23	22040686	Kiều Nguyệt	Minh	11/11/2004	QH.2022.F.1.E6.NN			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 5(305C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040560	Đào Bá Minh	21/12/2004	QH.2022.F.1.E17.NN5			
2	22040001	Nguyễn Tấn Minh	08/06/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
3	18040602	Phạm Ngọc Minh	13/07/2000	QH.2018.F1.E17.QTH			
4	22040602	Nguyễn Thị Trà My	01/02/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
5	22040161	Lê Thị Trà My	14/08/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
6	22040490	Nguyễn Duy Nam	21/08/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
7	22040446	Phạm Nguyễn Vân Nga	07/09/2004	QH.2022.F.1.E7.NN4			
8	22040497	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	18/06/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			
9	22040349	Trần Đình Đại Nghĩa	19/09/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
10	22040448	Hồ Bích Ngọc	01/03/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
11	22040525	Nguyễn Thị Minh Ngọc	12/11/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
12	22040733	Đỗ Lâm Bảo Ngọc	27/04/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
13	22040588	Lê Như Ngọc	08/02/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
14	22040303	Nguyễn Thị Minh Ngọc	30/11/2004	QH.2022.F.1.E14.NN5			
15	22040559	Mai Thị Hồng Ngọc	29/11/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
16	19040476	Vũ Thị Minh Ngọc	29/06/2001	QH2019.F.1.E7.PD			
17	22040186	Hà Thị Hồng Ngọc	31/07/2003	QH.2022.F.1.C9.SP4			
18	22040266	Vũ Bảo Ngọc	22/02/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
19	22040382	Phạm Trần Hạnh Nguyên	06/01/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			

20	22040334	Nguyễn Lê Phương	Nhi	06/08/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
21	22040684	Nguyễn Quỳnh	Như	13/01/2004	QH.2022.F.1.E13.NN5			
22	22040621	Ngô Thị Tuyết	Nhung	24/10/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
23	22040462	Bế Bảo	Ninh	17/06/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
24	22040487	Lý Thành	Phong	20/04/2004	QH.2022.F.1.E10.NN4			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 6 (306C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040042	Nguyễn Hồng Phúc	06/10/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
2	22040550	Vũ Anh Phương	19/11/2004	QH.2022.F.1.E13.NN5			
3	21040019	Phạm Minh Phương	17/09/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
4	21040418	Hoàng Hoài Phương	12/02/2003	QH.2020.F.1.E23.SP			
5	22040274	Phùng Anh Quân	07/07/2000	QH.2022.F.1.E17.NN5			
6	22040491	Dương Đình Quân	21/07/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
7	22040106	Đào Đăng Quang	12/01/2002	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
8	22040739	Vy Anh Quý					
9	22040394	Hoàng Thị Yến San	15/09/2004	QH.2022.F.1.E10.NN4			
10	22040065	Bùi Hoàng Sơn	19/10/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
11		Nguyễn Đình Sơn					
12	22040461	Lê Duy Thắng	16/07/2003	QH.2022.F.1.E3.NN			
13	22040281	Lê Quang Thanh	27/09/2004	QH.2022.F.1.E19.NN5			
14	22040356	Đào Thị Hà Thanh	10/02/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
15	22040541	Hoàng Thị Vi Thảo	05/08/2004	QH.2022.F.1.E7.NN4			
16	22040469	Vũ Vi Thảo	15/10/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
17	22040102	Nguyễn Phương Thảo	10/04/2004	QH.2022.F.1.E19.SP5			
18	22040097	Nguyễn Phương Thảo	07/02/2004	QH.2022.F.1.E7.SP4			

19	22040163	Trần Thị Anh	Thư	13/05/2004	QH.2022.F.1.E22.SP5			
20	22040681	Phạm Anh	Thư	21/09/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
21	22040058	Nguyễn Anh	Thư	01/12/2004	QH.2022.F.1.E21.SP5			
22	22040187	Đỗ Thị Thanh	Thương	29/08/2004	QH.2022.F.1.C9.SP4			
23	22040160	Phan Nguyệt	Thương	07/02/2004	QH.2022.F.1.E22.SP5			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày    tháng    năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**

Môn thi : Tiếng Nhật B1-2

Mã môn học: FLF1607B

Ngày thi: 28 tháng 7 năm 2023

Phòng thi: 7 (307C1)

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP (Viết Tắt)	CHỮ KÝ	ĐIỂM THI (BẢNG SỐ)	GHI CHÚ
1	22040619	Nghiêm Thị Thúy	18/11/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
2	22040267	Hoàng Thị Thanh Thúy	14/09/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			
3	22040348	Nguyễn Thanh Thùý	02/07/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
4	22040576	Hùng Thị Phương Tiệp	24/09/2004	QH.2022.F.1.E4.NN			
5	22040466	Lý Tiểu Minh Toàn	10/06/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
6	22040325	Hoàng Bảo Trâm	14/10/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
7	22040646	Trần Phương Trang	17/12/2004	QH.2022.F.1.E12.NN5			
8	22040023	Phạm Thị Kiều Trang	31/01/2004	QH.2022.F.1.E3.NN			
9	22040260	Phạm Thu Trang	07/07/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
10	22040283	Đỗ Minh Trang	25/07/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			
11	22040510	Hoàng Huyền Trang	19/05/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
12	22040699	Lô Thị Quỳnh Trang	03/08/2004	QH.2022.F.1.E9.NN4			
13	22040666	Nguyễn Huyền Trang	21/01/2004	QH.2022.F.1.E18.NN5			
14	22040532	Trần Thanh Trang	26/08/2004	QH.2022.F.1.E8.NN4			
15	22040507	Phạm Quang Tú	24/11/2004	QH.2022.F.1.E14.NN5			
16	22040505	Trần Trung Anh Tú	01/03/2004	QH.2022.F.1.E13.NN5			
17	22040572	Đoàn Minh Tuấn	29/09/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			
18	22040592	Nguyễn Thị Khánh Vân	03/03/2004	QH.2022.F.1.E11.NN4			

19	22040400	Nguyễn Hồng	Vân	09/04/2004	QH.2022.F.1.E16.NN5			
20	22040355	Tạ Tường	Vân	21/07/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
21	22040616	Bùi Văn	Vinh	30/01/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
22	22040276	Dương Anh	Vũ	06/05/2004	QH.2022.F.1.E15.NN5			
23	22040066	Nguyễn Hà	Yên	16/08/2004	QH.2022.F.1.E20.SP5			
24	22040143	Bùi Thị Hải	Yên	12/07/2004	QH.2022.F.1.E1.SPCLC			
25	22040558	Vũ Hải	Yên	02/10/2004	QH.2022.F.1.E10.NN4			

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Người vào điểm: .....

Người kiểm tra: .....

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**